

**QUY ĐỊNH**

**Về việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy**

- Căn cứ Chỉ thị số 31-CT/TW, ngày 02/4/1998 của Bộ Chính trị về công tác sản xuất kinh doanh bổ sung ngân sách đảng;

- Căn cứ Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị ban hành Quy định về chế độ đảng phí;

- Căn cứ Quyết định số 2233-QĐ/VPTW, ngày 27/02/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng;

- Căn cứ Quy định số 3840-QĐ/VPTW, ngày 11/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng Quy định khung quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của các tỉnh ủy, thành ủy;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khoá XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quy định việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy như sau:

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về nguyên tắc, khung nội dung trong việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ**

1. Quỹ dự trữ được hình thành từ các nguồn thu hợp pháp theo quy định của Trung ương Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Quỹ dự trữ được hạch toán, theo dõi đầy đủ trên sổ kế toán. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ đúng mục đích, đúng đối tượng, phù hợp với nội dung, tính chất của từng nguồn thu, bảo đảm nguyên

tắc quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

3. Số dư Quỹ dự trữ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có mức độ an toàn cao theo xếp hạng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó ưu tiên gửi tại ngân hàng thương mại có tính an toàn cao hơn, khả năng thanh khoản tốt hơn và có mức lãi suất cao hơn; nhằm bảo toàn, phát triển quỹ và đáp ứng kịp thời nhu cầu chi đột xuất của Tỉnh ủy.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 3. Nguồn hình thành Quỹ dự trữ**

1. Thu đảng phí: Là phần trích giữ lại ở Tỉnh ủy theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị khoá X về chế độ đảng phí.

2. Thu từ các doanh nghiệp có vốn góp của Đảng; các khoản đầu tư tài chính; khai thác tài sản và lợi ích từ khai thác quyền sử dụng đất hợp pháp, bao gồm:

- Lợi nhuận, cổ tức thu được từ các doanh nghiệp có vốn góp của Tỉnh ủy và các khoản đầu tư tài chính từ nguồn quỹ dự trữ.

- Thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh; cho thuê tài sản thuộc sở hữu của Đảng và khai thác quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Rút vốn, thoái vốn, chuyển nhượng vốn chủ sở hữu ở các doanh nghiệp có vốn góp của Tỉnh ủy theo đúng quy định của pháp luật và các thu nhập khác từ hoạt động góp vốn.

3. Thu điều tiết từ kết quả tài chính hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

4. Các khoản thu về bán, thanh lý, chuyển nhượng tài sản và bất động sản thuộc sở hữu của Đảng.

5. Thu từ lãi tiền gửi ngân hàng thương mại.

6. Khoản hỗ trợ từ Quỹ dự trữ ngân sách đảng ở Trung ương.

7. Các nguồn viện trợ, ủng hộ, hiến, tặng... của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

8. Các khoản thu hợp pháp khác của Đảng.

### **Điều 4. Nội dung chi từ Quỹ dự trữ**

1. Các khoản chi từ nguồn thu đảng phí theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị khoá X về chế độ đảng phí:

a) Bổ sung chi hoạt động của Tỉnh ủy và các cơ quan đảng ở địa phương trong trường hợp phát sinh các nhiệm vụ chi đột xuất mà kinh phí thường xuyên trong năm không cân đối được; thực hiện các nhiệm vụ đặc thù công tác đảng được cấp

trên giao (*bao gồm cả chi đối nội, đối ngoại*) trong trường hợp không bố trí được từ ngân sách nhà nước.

b) Chi hỗ trợ các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy trong các trường hợp:

- Hỗ trợ khắc phục hậu quả, thăm hỏi đồng bào chịu ảnh hưởng thiên tai, lũ lụt.

- Thực hiện những nhiệm vụ chính trị đột xuất do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao hoặc nhiệm vụ chính trị đột xuất của các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy trong trường hợp ngân sách nhà nước không bố trí được.

- Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy thuộc địa bàn có nhiều khó khăn về kinh tế; các địa bàn có điểm nóng về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội (*về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc; thực hiện chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công, các chức sắc làng bản,...*).

c) Các khoản chi khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quyết định.

2. Các khoản chi từ các nguồn thu còn lại:

a) Chi đặc biệt phục vụ hoạt động của đảng bộ tỉnh (*bao gồm nhiệm vụ đối ngoại của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy*); thực hiện một số chính sách đặc thù đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước công tác, sinh sống trên địa bàn tỉnh (*kể cả đương chức và nguyên chức*); cán bộ lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các chức sắc tôn giáo, dân tộc, làng bản địa bàn vùng sâu, vùng xa, người có công hoặc có đóng góp đặc biệt cho công tác xây dựng Đảng.

b) Đầu tư, mua sắm bổ sung, sửa chữa tài sản, trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy.

c) Hỗ trợ kinh phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của các cấp ủy cấp dưới.

d) Trợ cấp, hỗ trợ có tính chất phúc lợi đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan đảng. Tuỳ theo khả năng nguồn quỹ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định chi phúc lợi cho cán bộ, công chức các tổ chức đoàn thể, mặt trận và một số đối tượng đặc biệt.

đ) Tạm ứng để giải quyết các nhiệm vụ chi phát sinh hoặc nhiệm vụ chi có yêu cầu riêng về tiến độ thời gian được bảo đảm từ ngân sách nhà nước nhưng chưa kịp bố trí và được hoàn trả khi được bố trí.

e) Chi đầu tư phát triển:

- Chi góp vốn vào các doanh nghiệp để sản xuất kinh doanh theo quy định của Đảng và Pháp luật Nhà nước.

- Đầu tư, xây dựng, sửa chữa lớn cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh khi có nhu cầu cấp thiết nhưng ngân

sách nhà nước không bố trí được.

g) Các khoản chi khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quyết định.

### **Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ**

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương các nội dung:

- Về việc chuyển nhượng, bán, chuyển đổi hình thức quản lý khai thác các cơ sở dôi dư; các cơ sở được xem xét thấy việc sử dụng, khai thác kém hiệu quả.
- Sắp xếp lại các doanh nghiệp, chuyển đổi, bán, giải thể doanh nghiệp.
- Quyết định việc góp vốn vào các doanh nghiệp. Đầu tư tài chính vào các dự án đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh với các chủ đầu tư từ nguồn quỹ dự trữ.
- Phê duyệt dự án sử dụng Quỹ dự trữ để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động và phúc lợi của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương.
- Sử dụng Quỹ dự trữ thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại; thực hiện chính sách đối với cán bộ, chi hỗ trợ...
- Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị khoá X về chế độ đảng phí.
- Bổ sung chi hoạt động của Tỉnh ủy theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị khoá X về chế độ đảng phí.

2. Văn phòng Tỉnh ủy thừa uỷ quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có nhiệm vụ:

- a) Trực tiếp quản lý Quỹ dự trữ, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong việc quản lý, sử dụng Quỹ.
- b) Xác định các khoản thu, chi và trực tiếp tổ chức thực hiện các khoản thu, chi theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, bảo đảm đúng quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.
- c) Cấp phát, quản lý việc sử dụng kinh phí từ Quỹ dự trữ cấp cho các cơ quan, đơn vị theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.
- d) Ký kết các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn với các ngân hàng thương mại; thực hiện các chủ trương góp vốn, đầu tư tài chính, hợp tác đầu tư, sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp và các chủ đầu tư sau khi có chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.
- đ) Hàng năm hạch toán kế toán, tổng hợp quyết toán thu, chi Quỹ dự trữ theo đúng quy định trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- e) Cung cấp số liệu về tình hình Quỹ dự trữ theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

g) Quyết định các nội dung theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

3. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị được tiếp nhận kinh phí từ Quỹ dự trữ có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và hạch toán, phản ánh đầy đủ, đúng nguyên tắc, chế độ trên hệ thống sổ kế toán và báo cáo quyết toán tài chính định kỳ.

#### **Điều 6. Công tác kế toán đối với Quỹ dự trữ**

1. Việc mở sổ kế toán để theo dõi và hạch toán kế toán đối với Quỹ dự trữ được thực hiện trên cùng hệ thống kế toán đơn vị dự toán cấp I (*Văn phòng Tỉnh ủy*).

2. Một số nghiệp vụ hạch toán chủ yếu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2233-QĐ/VPTW, ngày 27/02/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng.

#### **Điều 7. Báo cáo tình hình thu, chi Quỹ dự trữ**

1. Hàng năm, trên cơ sở báo cáo của Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tình hình thu, chi Quỹ dự trữ cùng báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước tại hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Văn phòng Tỉnh ủy gửi báo cáo tình hình thu, chi Quỹ dự trữ cùng báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước về Văn phòng Trung ương Đảng để theo dõi và tổng hợp.

#### **Điều 8. Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ**

1. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy theo chương trình kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất.

2. Việc giám sát tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện trong chương trình, kế hoạch giám sát hàng năm.

### **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các huyện ủy, thành ủy căn cứ vào Quy định này ban hành quy định về quản lý, sử dụng quỹ dự trữ của cấp mình phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**Trần Đức Quận**